

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĂN GIANG  
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2023/DS-ST  
Ngày: 29/9/2023  
“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Miện

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1/ Ông Tạ Minh Tiếp

2/ Ông Nguyễn Quốc Doanh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 87/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-DS ngày 14/9/2023, giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Chị Ngô Thùy Á, sinh năm: 1986

Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên. (Có mặt)

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Bùi Tuấn A - Luật sư Văn phòng luật sư Bùi Đình Ú thuộc Đoàn luật sư thành phố H. Địa chỉ: Số B, ngõ B phường N, quận L, thành phố Hà Nội. (Có mặt)

\* **Bị đơn:** Bà Lê Thị Phương H, sinh năm: 1968

HKTT: Thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên

Tạm trú: Căn hộ 2118, tòa S, khu đô thị V, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt)

\* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Anh Nguyễn Văn H1; Sinh năm: 1981. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên  
2/ Ông Trần Văn L, sinh năm: 1968. (Vắng mặt)  
Địa chỉ: thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ngô Thùy Á trình bày:***

Chị và bà Lê Thị Phương H là đồng nghiệp cùng ngành kế toán trong các trường học của huyện V, tỉnh Hưng Yên. Vì cần tiền đầu tư làm kinh tế nên bà H có hỏi vay tiền chị, chị đã nhiều lần cho bà H vay tiền, cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 01/8/2020 chị cho bà Lê Thị Phương H vay số tiền 120.000.000đ, bà H viết giấy biên nhận vay tiền. Tại giấy vay nợ này không ghi thỏa thuận ngày trả nợ nhưng hai bên thỏa thuận chị cho bà H vay khoảng 4-5 tháng.

- Lần 2: Tháng 9/2020, ngày cụ thể chị không nhớ, bà H có vay của chị 90.000.000đ. Do tin tưởng nhau nên lần này chị và bà H không viết giấy nhận tiền mà chỉ thỏa thuận miệng, thời hạn vay lần này khoảng 01 tháng.

- Lần 3: Tháng 12/2020, ngày cụ thể chị không nhớ, bà Lê Thị Phương H có vay tiền của chị, cụ thể số tiền cho bà H vay lần này là bao nhiêu tiền chị không nhớ vì tin tưởng nên không viết giấy mà chỉ nói miệng với nhau. Thời hạn vay lần này là 01 tháng.

- Lần 4: Khoảng tháng 3-4/2021 chị cho bà H vay tiền, chị không nhớ số tiền cho vay, hai bên không viết giấy mà chỉ nói miệng với nhau.

- Lần 5: Khoảng tháng 9/2021, khi đó gia đình bà H về nhà mới ở khu đô thị V, chị cho bà H vay 25.000.000đ, hai bên không viết giấy vay tiền, chị đã chuyển khoản cho bà H qua tài khoản con trai bà H tên là L1, chị không nhớ số tài khoản của L1. Ngoài ra, chị còn cho bà H vay mấy triệu tiền mặt để bà H mua lễ cúng nhà mới, mua lễ đi chùa ở V, Hưng Yên. Hai bên thỏa thuận miệng thời hạn vay 01 tháng.

Khi cho bà H vay tiền, chị không tính lãi vì chị và bà H là đồng nghiệp nên giúp đỡ nhau. Toàn bộ các lần vay tiền của chị chỉ có bà H đứng lên vay, không có ông Trần Văn L, chị không biết ông L có biết, có sử dụng tiền bà H vay của chị hay không.

Sau khi hết thời hạn vay, bà H không trả nợ cho chị.

Tính đến ngày 20/01/2022 bà H không trả được cho chị đồng nào nên hai bên chốt nợ như sau: Tổng số tiền lần 2, 3, 4, 5 bà H vay của chị là 263.500.000đ (*Hai trăm sáu mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng*) và đã lập thành văn bản do bà H tự tay viết ký tên. Lý do chốt 4 khoản này có số tiền như trên là chị có cộng cả số tiền riêng lẻ cho bà H vay để sắm lễ về nhà mới ở V, mua lễ để lễ chùa tại huyện V. Còn số tiền 120.000.000đ (*Một trăm hai*

mười triệu đồng) của lần vay lần 1 bà H vẫn nợ nên chị và bà H thống nhất để riêng một giấy vay nợ không tính vào số nợ đã chốt ngày 20/01/2022.

Đến nay, bà H còn nợ chị tổng cộng 5 lần vay như trên là 383.500.000đ (Ba trăm tám mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng). Chị đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà H phải trả chị nợ gốc 383.500.000đ và tiền lãi trên nợ gốc với mức lãi suất 10%/năm/nợ gốc, thời điểm tính lãi từ ngày 20/01/2022 cho đến khi bà H thanh toán xong nợ.

**Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các văn bản khác có trong hồ sơ, bị đơn bà Lê Thị Phương H trình bày:** Bà thừa nhận đã vay của chị Á tổng cộng 383.500.000 đồng nợ gốc, cụ thể:

- Ngày 01/8/2020 bà vay của chị Á 120.000.000 đồng, bà là người viết giấy biên nhận. Trong giấy biên nhận không thể hiện việc tính lãi suất nhưng thực tế thỏa thuận miệng lãi suất 2.000 đồng/1 triệu đồng/ngày. Hàng tháng bà đã trả lãi cho khoản vay này là 7.200.000 đồng/tháng. Việc trả lãi này bà không ghi sổ, không viết giấy, chị Á trực tiếp đến nhà bà thu.

- Tháng 11/2020, bà vay chị Á 100.000.000 đồng cũng với lãi suất 2.000đồng/1 triệu đồng/1 ngày. Hai bên không viết giấy vay nợ, chỉ thỏa thuận miệng. Bà phải trả lãi đối với hai khoản vay trên là 13.200.000 đồng/tháng.

- Tháng 12/2020, bà nhiều lần vay tiền của chị Á, lần vay 10.000.000 đồng, lần vay 25.000.000 đồng, lần vay vài triệu, cộng dồn các lần vay này là 163.500.000 đồng. Các lần vay này hai bên đều không viết giấy vay nợ, chỉ thỏa thuận miệng. Các lần vay này chị Á không tính lãi với bà.

Có 01 lần chị Á chuyển khoản tiền vay cho bà qua tài khoản, các lần còn lại bà nhận tiền vay tại nhà chị Á.

Việc vay tiền của chị Á không liên quan gì đến chồng bà là ông Trần Văn L. Ông L không vay tiền và cũng không sử dụng tiền bà vay của chị Á nên bà nhận toàn bộ trách nhiệm trả nợ cho chị Á.

Bà xác định đã trả lãi cho chị Á như sau:

- Đối với khoản vay 120.000.000 đồng ngày 01/8/2020: Từ tháng 8/2020 đến hết tháng 10/2020, hàng tháng bà trả lãi là 120.000.000 đồng x 2.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày x 30 ngày = 7.200.000đ/tháng x 03 tháng = 21.600.000đ.

- Từ tháng 11/2020 đến hết tháng 10/2021, bà trả lãi gộp của hai khoản vay 120.000.000đ và 100.000.000đ, cụ thể: 220.000.000đ x 2.000đ/01 triệu đồng/01 ngày x 30 ngày = 13.200.000đ/tháng x 12 tháng = 158.400.000 đồng.

Tổng số tiền lãi bà đã trả cho chị Á của hai khoản vay trên tính từ tháng 8/2020 đến hết tháng 10/2021 là 180.000.000đ, việc trả lãi bà không có giấy biên nhận gì.

Nay bà đề nghị Tòa án đối trừ số tiền lãi bà đã trả chị Á là 180.000.000 đồng vào số nợ gốc, số nợ gốc còn lại bà có trách nhiệm trả chị Á.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- **Ông Trần Văn L trình bày:** Ông là chồng bà Lê Thị Phương H. Vợ chồng ông quen biết với chị Ngô Thùy Á vì bà H trước đây là kế toán, là đồng nghiệp với chị Á. Khi bà H vay tiền của chị Á ông không biết, chỉ khi chị Á đến đòi nợ và hai người cãi nhau về việc vay nợ ông mới biết. Ông không biết bà H vay tiền của chị Á như thế nào, vay bao nhiêu tiền, vay để làm gì và ông không được sử dụng số tiền bà H vay của chị Á. Ông xác định ông không có nghĩa vụ gì trong khoản nợ của bà H đối với chị Á. Ông không ký bất cứ giấy tờ gì liên quan đến việc vay nợ giữa bà H và chị Á. Nay chị Á khởi kiện yêu cầu bà H phải trả số nợ gốc 383.000.000 đồng và số tiền lãi, ông xác định không liên quan gì đến khoản nợ này.

- **Anh Nguyễn Văn H1 trình bày:** Anh và chị Ngô Thùy Á, sinh năm 1986, quê ở huyện N, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 09/3/2008 tại UBND xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên và đã ly hôn theo bản án số 17/2023/HNGĐ-ST ngày 24/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên (Bản án đã có hiệu lực pháp luật).

Anh và bà Lê Thị Phương H - Bị đơn trong vụ án trên không có quan hệ gì với nhau, anh không biết bà H. Từ năm 2016 đến nay, anh đi làm ăn xa, không có nhà, chỉ thỉnh thoảng mới về nhà thăm con. Từ tháng 8/2021, anh và chị Á ly thân không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau và không còn thường xuyên liên hệ với nhau nữa. Anh không biết chị Á cho bà H vay tiền như thế nào, nếu chị Á có cho bà H vay thì anh xác định không liên quan gì đến khoản tiền này vì anh và chị Á từ năm 2016 đã biệt lập về kinh tế, anh chỉ đóng góp tiền nuôi con với chị Á. Nay chị Á khởi kiện, yêu cầu bà H phải trả số nợ gốc 383.500.000đ và lãi suất 10%/năm kể từ ngày 20/01/2022 cho đến khi thanh xong nợ. Yêu cầu khởi kiện của chị Á không liên quan đến anh nên anh không có quyền lợi gì liên quan đến vụ án này.

**\* Kết quả xác minh tại Công an xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên và Công an xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội thể hiện:** Bà Lê Thị P Hoa đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Bà Hoa đăng k tạm trú tại căn hộ 2118, tòa nhà S, khu đô thị V - xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội từ ngày 09/11/2021 cho đến hết ngày 05/11/2023.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không hòa giải được vụ án vì bà H vắng mặt không có lý do nên phải đưa vụ án ra xét xử.

**Tại phiên tòa:**

\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã nêu trên, đề nghị HĐXX buộc bà H phải trả chị Á số nợ gốc 383.500.000 đồng và tiền lãi tính trên nợ gốc kể từ ngày 20/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 29/9/2023. Số tiền lãi tính đến ngày 29/9/2023 là 616 ngày tương ứng số tiền lãi là 64.722.192 đồng. Từ sau ngày xét xử sơ thẩm, bà H còn phải trả lãi suất chậm trả cho chị Á đối với số tiền chậm trả theo quy định của pháp luật.

\* Chị Á không bổ sung gì vào nội dung người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị trình bày trên.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, HĐXX, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự thủ tục đảm bảo khách quan, HĐXX không thuộc trường hợp phải thay đổi, thủ tục tố tụng tại phiên tòa được HĐXX tiến hành đảm bảo đúng quy định. Đối với nguyên đơn: Đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Đối với bị đơn: đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, không có lý do là chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thùy Á. Buộc bà Lê Thị Phương H phải có trách nhiệm trả chị Ngô Thùy Á số nợ gốc là 383.500.000 đồng và tiền lãi 10%/năm/nợ gốc tính từ ngày 20/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 29/9/2023.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về tố tụng:**

- Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Ngô Thùy Á yêu cầu Tòa án giải quyết “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bị đơn bà Lê Thị Phương H. Bà H đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên và đăng ký tạm trú tại xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội. Nơi thực hiện hợp đồng là nơi Nguyên đơn thường trú tại thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Giang.

- Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b, d khoản 2

điều 227, khoản 1, 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử (HĐXX) xét xử vụ án vắng mặt Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

## **[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:**

2.1. Về số nợ gốc: Căn cứ lời khai của nguyên đơn và bị đơn, giấy biên nhận ngày 01/8/2020, ngày 20/01/2022 và các tài liệu khác có trong hồ sơ, đã có đủ căn cứ xác định nguyên đơn chị Ngô Thùy Á đã nhiều lần cho bị đơn bà Lê Thị Phương H vay tiền, cụ thể như sau: Ngày 01/8/2020 cho vay 120.000.000 đồng. Từ tháng 11/2020 đến tháng 12/2020 cho vay nhiều lần, tổng cộng 263.500.000 đồng. Mục đích bà H vay tiền là để kinh doanh và tiêu dùng. Thời hạn vay không ghi trong giấy biên nhận nhưng nguyên đơn khai thời hạn vay từ 01 tháng đến 05 tháng. Sau đó hai bên thỏa thuận khi nào bà H bán nhà ở khu dịch vụ thôn B, xã P sẽ trả nợ cho chị Á nhưng sau khi bán nhà này vào năm 2021, bà H vẫn không trả nợ cho chị. Bị đơn đã được giao các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nhưng không có ý kiến gì.

Việc vay nợ, chốt nợ được hai bên thừa nhận, có giấy biên nhận do bị đơn viết và ký. HĐXX thấy Hợp đồng vay tài sản giữa chị Á và bà H được xác lập bởi các chủ thể có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, các bên tham gia giao kết đều tự nguyện, không bên nào bị lừa dối, đe dọa hay ép buộc, mục đích, nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội, bên cho vay đã thực hiện xong nghĩa vụ giao tài sản cho bên vay. Căn cứ Điều 463, 465, 470 của Bộ luật dân sự, hợp đồng này hợp pháp, có hiệu lực pháp luật.

Đến ngày 20/01/2022, bà H vẫn chưa trả cho chị Á toàn bộ khoản nợ trên nên hai bên đã làm giấy chốt nợ đối với khoản vay từ tháng 11/2020 đến tháng 12/2020 là 263.500.000 đồng. Khoản vay ngày 01/8/2020 để riêng tại giấy nhận nợ cũ. Như vậy, thời hạn trả nợ đối với toàn bộ khoản vay là vào năm 2021 nhưng đến ngày 20/01/2022 bà H vẫn chưa trả được nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự. Ngày 05/9/2022, chị Á khởi kiện vẫn còn thời hiệu theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự.

Mặc dù bà H vay tiền của chị Á khi bà H đang trong thời kỳ hôn nhân với ông Trần Văn L và chị Á đang trong thời kỳ hôn nhân với anh Nguyễn Văn H1 nhưng bà H vay tiền để sử dụng riêng, không phục vụ cho mục đích chung của vợ chồng, ông L không biết, không sử dụng số tiền này. Số tiền chị Á cho bà H vay là tiền riêng của chị, không phải là tài sản chung của vợ chồng chị, anh H1 không biết số tiền này và khẳng định không có quyền lợi gì liên quan đến số tiền này. Chị Á cũng chỉ yêu cầu bà H phải có trách nhiệm trả số nợ trên chứ không yêu cầu gì đối với ông L.

Từ những phân tích trên, HĐXX thấy chị Á yêu cầu bà H phải trả chị số nợ gốc đã vay là 383.500.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

## 2.2. Về tiền lãi:

Bà H khẳng định: Đối với khoản vay 120.000.000 đồng ngày 01/8/2020 và khoản vay 100.000.000 đồng vào tháng 11/2020 bà và chị Á thỏa thuận miệng lãi suất 2.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày. Bà đã trả lãi cho hai khoản vay

này từ tháng 8/2020 đến hết tháng 10/2021 tổng cộng là 180.000.000đ và yêu cầu Tòa án trừ số tiền lãi bà đã trả vào nợ gốc. Tuy nhiên, tại giấy biên nhận vay tiền không thể hiện có tính lãi, bà H không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì về việc đã thỏa thuận lãi suất cũng như trả tiền lãi nêu trên nên yêu cầu của bà H không có căn cứ chấp nhận. HĐXX xác định hợp đồng vay tài sản giữa chị Á và bà H không có lãi suất.

Xét yêu cầu tính lãi suất chậm trả 10%/năm/nợ gốc của chị Á: Căn cứ khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự thì khi đến thời hạn trả nợ, chị Á có quyền yêu cầu bà H trả lãi trên số nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự trên số tiền và thời gian chậm trả nên yêu cầu tính lãi suất 10% /năm của chị Á được chấp nhận. Thời gian chậm trả tiền của bà H là từ năm 2021, nay chị Á yêu cầu tính lãi từ ngày 20/01/2022 là có căn cứ pháp luật, có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận. Thời gian tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm 29/9/2023 là 01 năm 08 tháng 09 ngày. Số tiền lãi 01 năm là:  $10\% \times 383.500.000đ = 38.350.000$  đồng. Số tiền lãi 08 tháng là  $[(10\% \times 383.500.000đ) : 12] \times 8 = 25.567.000$  đồng. Số tiền lãi 09 ngày là  $[(10\% \times 383.500.000đ) : 12] : 30 \times 9 = 958.750$  đồng. Tổng tiền lãi là 64.875.750 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi bà H phải trả chị Á là 448.375.750 đồng. Việc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tính số ngày tính lãi là 616 ngày tương ứng số tiền lãi là 64.722.192 đồng là chưa chính xác.

**[3]. Về án phí:** Yêu cầu của chị Á được chấp nhận nên chị Á không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận.

**[4]. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **\* Căn cứ vào:**

- Điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm g khoản 1 điều 40, khoản 1 điều 147, điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **\* Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thùy Á. Buộc bà Lê Thị Phương H phải có trách nhiệm trả chị Ngô Thùy Á số nợ gốc là 383.500.000đ và tiền lãi chậm trả 10%/ năm/nợ gốc tính từ 20/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 29/9/2023 là 64.875.750 đồng. Tổng cả gốc và lãi tính đến ngày xét xử

sơ thẩm là 448.375.750đ (B trăm bốn mươi tám triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trong trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Buộc bà Lê Thị Phương H phải chịu 21.935.000đ (Hai mươi một triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại chi Ngô Thùy Á 10.317.000đ (Mười triệu ba trăm mười bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chi đã nộp theo biên lai thu số 0010777 ngày 05/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện V;
- Cơ quan THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**NGUYỄN THỊ MIỆN**